

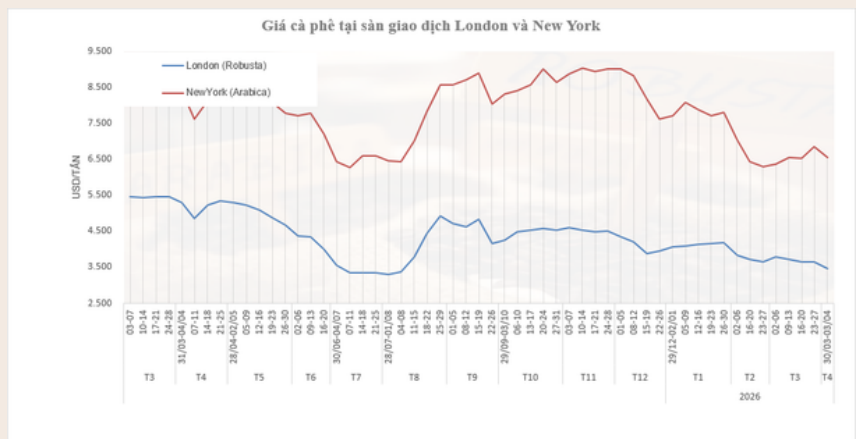
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê giảm trên sàn giao dịch New York và giảm trên sàn London trong tuần từ 30/03/2025 - 03/04/2026.
- Sản xuất cà phê Tanzania niên vụ 2025-2026 ước đạt 1,45 triệu bao, tăng 7,4% so với cùng kỳ niên vụ trước.
- Xuất khẩu cà phê Robusta từ đảo Sumatra (Indonesia) tháng 2/2026 đạt 73.475 bao.
- HTX cà phê lớn nhất thế giới Cooxupé (Brazil) dự báo sản lượng niên vụ 2026/2027 đạt 6,8 triệu bao.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 30/03/2026 đến 03/04/2026, giá cà phê thế giới biến động trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 05/2026 tại thị trường London bình quân đạt 3.470 USD/tấn, giảm 5,2% so với tuần trước và giảm 36,4% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.521 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.419 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2026 bình quân đạt 6.551 USD/tấn, giảm 4,7% so với tuần trước, và giảm 23,5% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 6.651 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 6.450 USD/tấn.[1]

TANZANIA

Sản xuất cà phê của Tanzania trong niên vụ tháng 10/2025-9/2026 được dự báo đạt khoảng 1,45 triệu bao, tăng khoảng 7,4% so với niên vụ trước. Cơ cấu sản lượng tương đối cân bằng, bao gồm khoảng 750.000 bao cà phê Arabica và 700.000 bao Robusta. Triển vọng cho niên vụ 2026/27 nhìn chung ổn định khi điều kiện thời tiết được đánh giá là thuận lợi tại các vùng trồng chính, với lượng mưa phân bố tương đối đều, hỗ trợ tốt cho sinh trưởng và năng suất cây trồng. Trong bối cảnh tiêu thụ nội địa còn ở mức thấp, ước tính khoảng 85.000 bao mỗi năm, phần lớn sản lượng cà phê của Tanzania được định hướng xuất khẩu, trong đó Nhật Bản và Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục là các thị trường tiêu thụ chủ lực.[2]

Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu đang đối mặt với nhiều thách thức đáng kể về logistics. Tình trạng tắc nghẽn kéo dài, chậm trễ tàu và hạn chế về thiết bị tại cảng Dar es Salaam làm gia tăng chi phí và thời gian vận chuyển. Những khó khăn này càng trở nên nghiêm trọng hơn trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông leo thang, gây gián đoạn các tuyến hàng hải quan trọng. Việc phải điều chỉnh lộ trình vận chuyển khiến thời gian giao hàng trở nên kém ổn định, ảnh hưởng trực tiếp đến dòng chảy thương mại của các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Đông Phi, bao gồm cà phê, chè, đậu, hạt điều và bông.[2]



INDONESIA

Dữ liệu thương mại của Indonesia cho thấy xuất khẩu cà phê Robusta từ đảo Sumatra – vùng sản xuất cà phê chủ lực – trong tháng 2/2026 đạt 73.475 bao, giảm 25,43% so với cùng kỳ niên vụ trước. Tuy nhiên, lũy kế 11 tháng niên vụ cà phê từ tháng 4/2025-3/2026 đạt 5,19 triệu bao, tăng 48,80% so với cùng kỳ niên vụ trước, phản ánh xu hướng phục hồi đáng kể của nguồn cung xuất khẩu. Cơ cấu sản lượng bao gồm khoảng 85% Robusta và phần còn lại là Arabica, được dự báo đạt khoảng 12,6 triệu bao khi kết thúc niên vụ.[3]

Đối với niên vụ 2026/27, hoạt động thu hoạch Robusta dự kiến sẽ bắt đầu trong những tháng tới, đưa nguồn cung mới ra thị trường. Sản lượng dự báo ban đầu đạt khoảng 11,5 triệu bao, trong đó Robusta tiếp tục chiếm ưu thế với tỷ trọng khoảng 80%. Tuy nhiên, triển vọng sản lượng vẫn tiềm ẩn biến động khi các khu vực trồng chính như Sumatra và Aceh chịu ảnh hưởng của điều kiện thời tiết bất lợi trước đó. Do đó, các ước tính sản lượng có thể tiếp tục được điều chỉnh trong thời gian tới khi có thêm thông tin thực tế từ quá trình thu hoạch.[3]

BRAZIL

Hợp tác xã cà phê lớn nhất thế giới Cooxupé (Brazil) dự báo sản lượng niên vụ 2026/2027 đạt khoảng 6,8 triệu bao, tăng 11,48% so với niên vụ hiện tại, cho thấy kỳ vọng phục hồi nguồn cung trong bối cảnh tồn kho nội bộ gần như cạn kiệt trước vụ thu hoạch mới. Đồng thời, xuất khẩu cà phê của hợp tác xã được dự báo đạt khoảng 5 triệu bao, tăng 13,64% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh nhu cầu thị trường vẫn duy trì ở mức cao và phụ thuộc vào nguồn cung mới.[4]

Tuy nhiên, diễn biến xuất khẩu trong niên vụ hiện tại (7/2025–6/2026) lại cho thấy xu hướng suy giảm đáng kể. Cụ thể, xuất khẩu cà phê Arabica trong 8 tháng đầu niên vụ đạt 20,77 triệu bao, giảm 17,17% so với cùng kỳ niên vụ trước. Xuất khẩu cà phê Conilon Robusta đạt 2,91 triệu bao, giảm 48,49%, trong khi nhóm sản phẩm chế biến sâu và cà phê hòa tan đạt 2,35 triệu bao, giảm 18,68%.[4]



SUY GIẢM VÙNG TRỒNG CÀ PHÊ DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Biến đổi khí hậu được dự báo sẽ làm thay đổi đáng kể tính phù hợp của các vùng trồng cà phê Arabica trên toàn cầu. Theo Rabobank, đến năm 2050, khoảng 20% diện tích trồng Arabica hiện nay có thể trở nên không phù hợp, tăng mạnh so với mức 8% hiện tại tại các quốc gia sản xuất chủ lực như Brazil, Colombia và Honduras. Nguyên nhân chủ yếu là do nhiệt độ gia tăng và biến động lượng mưa, làm gia tăng tần suất các hiện tượng cực đoan như hạn hán, nắng nóng và mưa lớn, từ đó làm giảm tính ổn định của sản xuất. Tại Brazil, năng suất tại các vùng phù hợp đạt trung bình 32,6 bao/ha, trong khi các vùng không phù hợp chỉ đạt khoảng 28 bao/ha.[5]

Đáng chú ý, tỷ trọng sản lượng Arabica tại các vùng phù hợp ở Brazil có thể giảm từ 81% xuống còn 62% vào năm 2050. Xu hướng suy giảm tương tự cũng được ghi nhận tại Colombia (từ 56% xuống 45%) và đặc biệt nghiêm trọng tại Honduras (từ 53% xuống còn 12%). Ngược lại, Ethiopia có thể cải thiện khi tỷ lệ diện tích phù hợp tăng từ 39% lên 50%, phản ánh sự dịch chuyển địa lý của sản xuất cà phê trong dài hạn.[5]

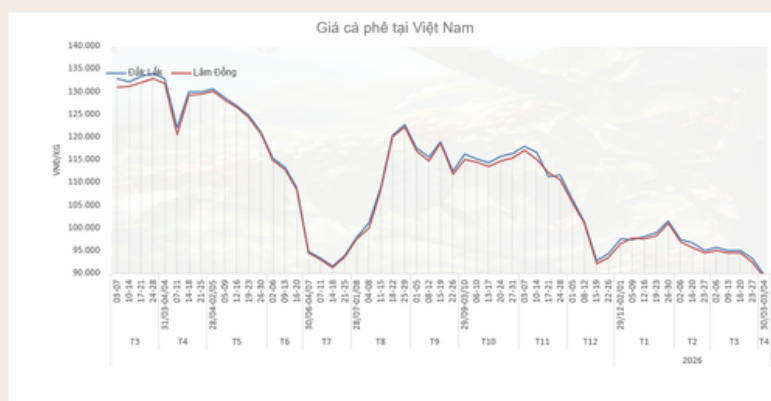
NGUYÊN TẮC THU MUA THÚC ĐẨY CÀ PHÊ BỀN VỮNG

Một nhóm 14 doanh nghiệp kinh doanh và rang xay cà phê lớn trên thế giới đã thống nhất hai “nguyên tắc thu mua” nhằm thúc đẩy tính bền vững và kinh tế dài hạn của nông hộ sản xuất cà phê. Sáng kiến này được công bố bởi Global Coffee Platform, IDH và Solidaridad sau quá trình hợp tác kéo dài 9 tháng với khu vực tư nhân. Nghiên cứu nền tảng trước đó chỉ ra rằng, mặc dù toàn chuỗi giá trị cà phê tạo ra đủ giá trị, nhưng phân bổ lợi ích hiện nay nghiêng mạnh về phía các doanh nghiệp rang xay và bán lẻ, trong khi nông dân – khoảng 12,5 triệu hộ sản xuất 80% sản lượng toàn cầu – lại nhận được phần giá trị thấp nhất và chịu rủi ro cao nhất. Hai nguyên tắc được đề xuất bao gồm: (i) thiết lập quan hệ đối tác chiến lược dài hạn thay vì giao dịch ngắn hạn, giúp nông hộ chủ động kế hoạch sản xuất và đầu tư; và (ii) bảo đảm sản xuất cà phê bền vững thông qua cơ chế giá hợp lý, hỗ trợ kỹ thuật và tiếp cận tài chính. Tỷ lệ cà phê được thu mua theo các tiêu chuẩn bền vững đã tăng từ 55% (2021) lên khoảng 75% (2024).[6]

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng Đắc Lắc giảm so với tuần trước.
- Quý I/2026, xuất khẩu cà phê Việt Nam đạt 577,3 nghìn tấn, tương đương 2,71 tỷ USD, tăng 12,6% về lượng nhưng giảm 6,4% so với cùng kỳ.
- Ngày 30/3, Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột tổ chức Hội thảo “Tham vấn chuyên gia về chất lượng và chuyển đổi thị trường Robusta”.
- Nông dân Sơn La tập trung thực hiện biện pháp chăm sóc, cung cấp dinh dưỡng và nước tưới đầy đủ cho cây, nâng cao năng suất, chất lượng quả cà phê.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



NGUỒN: CTV AGREINFOS

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 30/03/2026 đến ngày 03/04/2026, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắc Lắc giảm so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 89.573 VNĐ/kg, giảm 4,1% so với tuần trước, và giảm 33,2% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 92.233 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 87.433 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 89.160 VNĐ/kg, giảm 3,7% so với tuần trước, và giảm 32,9% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 91.700 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 87.000 VNĐ/kg. [1]

GIÁ CÀ PHÊ TIẾP TỤC GIẢM

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong Quý I/2026 ghi nhận sự gia tăng về khối lượng nhưng giảm về giá trị, do giá cà phê thế giới giảm. Cụ thể, tổng khối lượng xuất khẩu đạt 577,3 nghìn tấn, tương đương 2,71 tỷ USD, tăng 12,6% về lượng nhưng giảm 6,4% về giá trị so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giá xuất khẩu bình quân giảm 16,9%, xuống còn 4.696,8 USD/tấn.[2]

Diễn biến này phản ánh tác động của cung vượt cầu trên thị trường toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh Brazil gia tăng sản lượng, qua đó tạo áp lực giảm giá.[2]

Đức, Italia và Tây Ban Nha tiếp tục là ba thị trường tiêu thụ lớn, song tăng trưởng không đồng đều, trong khi Trung Quốc nổi lên với mức tăng mạnh, trái ngược với sự sụt giảm tại Philippines.[2]

Ở thị trường nội địa, hoạt động giao dịch diễn ra trầm lắng do tâm lý kỳ vọng giá phục hồi của nông dân, trong khi các doanh nghiệp buộc phải đa dạng hóa nguồn cung để đáp ứng các cam kết xuất khẩu

Trong bối cảnh đó, ngành cà phê Việt Nam đứng trước yêu cầu cấp thiết phải chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, chuẩn hóa sản phẩm và gia tăng giá trị. [2]

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG ROBUSTA VIỆT NAM

Ngày 30/3, Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột tổ chức hội thảo tham vấn chuyên gia về chất lượng và chuyển đổi thị trường cà phê Robusta trong khuôn khổ sáng kiến Robusta XXI, với sự tham gia của hơn 100 đại biểu trong nước và quốc tế. Hội thảo tập trung thảo luận việc xây dựng khung tiêu chuẩn chất lượng tự nguyện cho Robusta Việt Nam trên cơ sở khoa học và thực tiễn, nhằm khắc phục hạn chế lâu nay khi vị thế sản xuất chưa tương xứng với vai trò định hình chất lượng và giá trị trên thị trường quốc tế. Các ý kiến thống nhất rằng ngành cà phê Việt Nam cần chuyển từ tăng trưởng dựa vào sản lượng sang nâng cao năng lực đo lường, mô tả và chuẩn hóa chất lượng, qua đó hình thành “ngôn ngữ” chung cho Robusta. Sáng kiến Robusta XXI được kỳ vọng tạo nền tảng đánh giá minh bạch, có khả năng so sánh và được quốc tế công nhận, đồng thời thúc đẩy quan hệ thị trường công bằng giữa người mua và người bán. Đây được xem là bước đi chiến lược nhằm nâng tầm vị thế của cà phê Robusta Việt Nam.[3]

SƠN LA

Giai đoạn ra hoa của cây cà phê, thường diễn ra từ cuối tháng 1 đến hết tháng 3 hằng năm, được xem là thời kỳ then chốt quyết định năng suất và sản lượng niên vụ. Tại Sơn La, với diện tích khoảng 33.628 ha cà phê, chủ yếu là Arabica, sản lượng đạt trên 250.000 tấn quả tươi mỗi năm, công tác chăm sóc trong giai đoạn này đang được triển khai đồng bộ. Nông dân tập trung cung cấp nước tưới, dinh dưỡng hợp lý và tỉa cành nhằm thúc đẩy phân hóa mầm hoa, ra hoa đồng loạt và tăng tỷ lệ đậu quả. Tại phường Chiềng An, gần 1.987 ha cà phê mang lại sản lượng trên 15.400 tấn và doanh thu khoảng 433 tỷ đồng, cho thấy hiệu quả kinh tế rõ rệt khi áp dụng đúng kỹ thuật. Việc bón phân NPK kết hợp phân hữu cơ, cùng với tưới nước đúng thời điểm khi mầm hoa phát triển hoàn chỉnh, đóng vai trò quan trọng trong hạn chế rụng hoa và quả non. Đồng thời, công tác phòng trừ sâu bệnh như rệp sáp, thán thư và một đục quả cũng được chú trọng. Tổng thể, việc áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật là nền tảng bảo đảm năng suất và chất lượng cà phê.[4]

LÂM ĐỒNG

Trong bối cảnh ngành cà phê Việt Nam chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, Lâm Đồng đang nổi lên như một điển hình trong nỗ lực thoát khỏi “bẫy xuất thô” để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Với diện tích khoảng 323.240 ha và sản lượng trên 1 triệu tấn mỗi năm, địa phương có lợi thế lớn về vùng nguyên liệu, đặc biệt đối với cà phê chất lượng cao. Tuy nhiên, tỷ lệ chế biến sâu hiện mới đạt khoảng 5–10%, khiến giá trị gia tăng còn hạn chế và phụ thuộc nhiều vào giá quốc tế. Trước áp lực này, nhiều doanh nghiệp đã chuyển hướng sang sản xuất cà phê rang xay, hòa tan và cà phê đặc sản theo tiêu chuẩn quốc tế. Dù vậy, quá trình chuyển đổi vẫn gặp các rào cản về vốn, thị trường, tiêu chuẩn kỹ thuật và năng lực quản trị, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt tại các thị trường lớn như EU và Hoa Kỳ. Đồng thời, các quy định mới như EUDR cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với chuỗi cung ứng. Tổng thể, việc đẩy mạnh chế biến sâu, chuẩn hóa sản xuất và xây dựng thương hiệu là điều kiện then chốt để nâng cao vị thế cà phê Lâm Đồng.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	91.700	87.000	88.700	89.700	88.700	89.160	-3.380
Di Linh	91.700	87.000	88.700	89.700	88.700	89.160	-3.380
Lâm Hà	91.700	87.000	88.700	89.700	88.700	89.160	-3.380
Bảo Lộc	91.700	87.000	88.700	89.700	88.700	89.160	-3.380
ĐẮK LẮK	92.233	87.433	89.133	89.933	89.133	89.573	-3.800
Cư M'gar	92.300	87.500	89.200	90.000	89.200	89.640	-3.800
Ea H'leo	92.200	87.400	89.100	89.900	89.100	89.540	-3.800
Buôn Hồ	92.200	87.400	89.100	89.900	89.100	89.540	-3.800
GIA LAI	92.233	87.433	89.133	89.933	89.133	89.573	-3.767
Chư Prông	92.300	87.500	89.200	90.000	89.200	89.640	-3.700
Pleiku	92.200	87.400	89.100	89.900	89.100	89.540	-3.800
La Grai	92.200	87.400	89.100	89.900	89.100	89.540	-3.800
Quảng Ngãi	92.200	87.400	89.100	89.900	89.100	89.540	-3.800
Kon Tum	92.200	87.400	89.100	89.900	89.100	89.540	-3.800

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://www.iandmsmith.com>
- [3]: <https://www.iandmsmith.com>
- [4]: <https://www.iandmsmith.com>
- [5]: <https://www.reuters.com>
- [6]: <https://dailycoffeenews.com>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://vneconomy.vn>
- [3]: <https://baotintuc.vn>
- [4]: <https://baosonla.vn>
- [5]: <https://thuonghieucongluan.com.vn>

Hệ thống thông tin thị trường cho
một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 16. Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn; Website: www.agro.gov.vn